

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1. Giới thiệu chung

- Dự toán: Bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường liên xã, xã Tân Phong năm 2026.

- Gói thầu: Gói thầu số 03: Bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường liên xã, xã Tân Phong năm 2026;

- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường liên xã, xã Tân Phong năm 2026;

- Địa điểm thực hiện: Xã Tân Phong, tỉnh Sơn La;

- Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2026;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 240 ngày.

2. Mục tiêu, phạm vi công việc thuộc gói thầu

2.1. Mục tiêu thực hiện:

Bảo vệ, duy trì khả năng khai thác của các tuyến đường liên xã và đường xã, đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt và bền vững công trình.

2.1. Phạm vi công việc: Thực hiện công tác Bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường liên xã, xã Tân Phong năm 2026:

- Quản lý, bảo dưỡng 02 tuyến đường liên xã với tổng chiều dài 49,0km, cụ thể:

+ Quản lý, BDTX đường Tân Phong – Đá Đỏ: 26,0km;

+ Quản lý, BDTX đường Tường Phong – Nam Phong: 23,0km.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện cung cấp dịch vụ: 240 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

III. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT/ CHỈ DẪN KỸ THUẬT

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho việc thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021; Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày

12/5/2023, Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/7/2023 của Bộ Giao thông vận tải;

- Tiêu chuẩn kỹ thuật BDTX đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 14182:2024;
- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;
- Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

2. Các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và thời gian thực hiện công tác quản lý, BDTX đường bộ:

2.1. Công tác quản lý

TT	Hạng mục công việc
1	Tuần đường; Kiểm tra công trình đường bộ
2	Đếm xe
3	Kiểm tra định kỳ, khẩn cấp, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bảo lũ đường cấp IV
4	Trực ĐBGTT, bảo lũ, ứng cứu, khắc phục sự cố
5	Quản lý bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và kết cấu hạ tầng GTĐB

2.2. Công tác bảo dưỡng mặt đường:

*** Mặt đường BTN, láng nhựa:**

TT	Hạng mục công việc
1	Vá ổ gà (gồm cả vá mép mặt đường nứt vỡ)
2	Vết nứt dọc, nứt ngang đơn lẻ
3	Xử lý nứt mai rùa và các dạng nứt dày đặc khác
4	Xử lý lún lõm, đẩy trời, dồn nhựa, lún vết bánh xe, bong bật và bong tróc
5	Sinh lún
6	Vệ sinh mặt đường

*** Mặt đường BTXM:**

TT	Hạng mục công việc
1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc
2	Xử lý vết nứt
3	Vệ sinh mặt đường

2.3. Công tác bảo dưỡng hệ thống ATGT, đèn tín hiệu giao thông

TT	Hạng mục công việc
1	Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí
2	Nắn sửa cột Km
3	Nắn chỉnh, tu sửa biển báo

TT	Hạng mục công việc
4	Vệ sinh mặt biển phản quang
5	Vệ sinh dải phân cách, tường phòng hộ tôn lượn sóng
6	Vệ sinh mặt phản quang, gương cầu lồi
7	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc.
8	Tường hộ lan, tôn sóng

2.4. BDTX nền đường, thoát nước

Stt	Hạng mục công việc
1	Taluy đắp và taluy đào
2	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành
3	Lề đường
4	Rãnh và các công trình thoát nước có gia cố
5	Rãnh và các công trình thoát nước bằng đất đá tự nhiên
6	Hố thu và cống

3. Yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện:

Đáp ứng các Yêu cầu kỹ thuật chất lượng theo quy định tại Thông tư 41/2024/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải gồm:

3.1. Tiêu chí chất lượng công tác quản lý công trình đường bộ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1	Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình	Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 11 Thông tư 41/2024/TT- BGTVT và Mục 4.2.1 của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14182:2024 Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ (sau đây viết tắt là TCVN 14182:2024)	a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu so với hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu. b) Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi cơ quan quản lý đường bộ (cơ quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu. c) Đối với việc quản lý cầu bằng phần mềm quản lý và các công việc khác đã quy	a) Các thay đổi công trình đường bộ phải được cập nhật không quá 15 ngày. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			định sử dụng phần mềm quản lý phải được cập nhật và lưu trữ thường xuyên trên phần mềm quản lý	
2	Công tác tuần đường	Thực hiện theo Điều 19 Thông tư 41/2024/TT-BGTVT và các nội dung Mục 4.2.8 của TCVN 14182:2024	a) Bố trí đủ lực lượng, phương tiện, thiết bị và trang phục phục vụ nhiệm vụ tuần đường, xử lý kịp thời các kiến nghị trong quá trình tuần đường, cập nhật kết quả tổ chức khắc phục hư hỏng, xuống cấp của công trình, bộ phận, hạng mục công trình, tham gia xử lý tai nạn, khắc phục bão lũ, bảo vệ công trình và hành lang an toàn đường bộ, báo cáo theo quy định. b) Sổ nhật ký tuần đường thể hiện đầy đủ kết quả hoạt động tuần đường, nhận xét, ý kiến xử lý của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 Thông tư 41/2024/TT-BGTVT. c) Các quy định khác: - Phát hiện kịp tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời). - Thống kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; xử lý hoặc báo cáo để có biện pháp xử lý.	a) Cho phép thời gian khắc phục khi chưa đủ trang thiết bị phục vụ tuần đường là 01 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng. b) Đối với các lỗi không đáp ứng còn lại: thời gian khắc phục tối đa không quá 01 ngày kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			- Theo dõi tai nạn giao thông và xử lý theo quy định. - Phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ, báo cáo Bên A xử lý theo quy định	
3	Đếm xe	Thực hiện việc đếm xe theo Mục 4.2.5 của TCVN 14182:2024 hoặc ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý đường bộ.	a) Phiếu đếm xe chi tiết thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả đếm xe được phân loại theo yêu cầu của hợp đồng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian đếm xe. Báo cáo tổng hợp kết quả đếm xe của đợt đếm cụ thể từng ngày, số ca đếm trong ngày, số xe được phân loại cụ thể theo các chiều. b) Chế độ báo cáo, tổng hợp, lưu trữ và các nội dung khác thực hiện theo quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành, quy định trong hợp đồng bảo trì.	a) Ngày đếm xe được phép lùi (hoặc tiến) không quá 5 ngày so với quy định nếu trùng vào dịp Lễ, Tết hoặc sự kiện, sự cố ảnh hưởng làm thay đổi đợt ngọt lưu lượng. b) Công tác tổng hợp, lưu trữ và báo cáo kết quả đếm xe cho phép chậm không quá 10 ngày kể từ ngày phải đếm xe.
4	Công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ	Thực hiện các công việc quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ, công trình đường bộ và kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao	a) Phát hiện, xử lý theo quy định, ngăn chặn kịp thời các vi phạm hành lang và kết cấu hạ tầng đường bộ. b) Phối hợp chặt chẽ với người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương và công an trong công tác bảo dưỡng, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.	15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
		thông đường bộ và tại khoản 1 Điều 19 Thông tư 41/2024/TT- BGTVT; thực hiện quy định tại Mục 4.2.2 và Mục 4.3.3 của TCVN 14182:2024	Cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm tra cột mốc giải phóng mặt bằng, mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ vào hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ. c) Tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý vi phạm đầy đủ, đúng quy định.	
5	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông.	Theo dõi tình hình tai nạn giao thông, tham gia xử lý, báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư 41/2024/TT-BGTVT và Mục 4.2.6, 4.2.7 của TCVN 14182:2024	a) Khi có tai nạn giao thông, phải thông báo ngay cho lực lượng chức năng, xử lý ùn tắc giao thông, tham gia hướng dẫn giao thông (nếu cần), tham gia cứu nạn cứu hộ, bảo vệ hiện trường. Phát hiện, phối hợp kịp thời với lực lượng chức năng lập biên bản xác nhận thiệt hại đối với các vụ tai nạn giao thông gây hư hỏng công trình đường bộ. b) Phát hiện, theo dõi kịp thời các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ. c) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.	a) Đối với công tác báo cáo: cho phép chậm không quá 02 ngày theo quy định, nhưng trước khi nghiệm thu tháng phải báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng
6	Trực đảm bảo giao thông, xử lý khi có bão, lũ	Trực đảm bảo giao thông khi có bão lụt, tổ chức đảm bảo giao thông theo quy định Mục 4.2.3 của TCVN 14182:2024; xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở theo quy định tại Thông tư quy định về	a) Trực đảm bảo giao thông khi có bão, lũ lụt, mưa lớn; nắm bắt tình hình thiệt hại; ghi chép đầy đủ diễn biến thời tiết, các hư hỏng công trình đường bộ được giao quản lý trong ca trực.	Đối với công tác báo cáo: báo cáo Bên A ngay khi xảy ra sự cố. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	lụt, mưa, sạt lở	công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ	b) Báo cáo ngay khi có sự cố, tham gia xử lý các sự cố, đảm bảo thông đường theo điều kiện hợp đồng, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của Bên A.
7	Kiểm tra, xử lý hư hỏng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ	Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, cập nhật và tổng hợp báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư 41/2024/TT-BGTVT và Mục 4.2.9 của TCVN 14182:2024	a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình đường bộ, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ theo quy định hợp đồng. b) Trường hợp hư hỏng, xuống cấp nằm ngoài phạm vi hợp đồng, báo cáo kịp thời Bên A để có biện pháp sửa chữa, khắc phục. c) Báo cáo Bên A tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình, các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của các hạng mục các công trình được giao quản lý theo yêu cầu của TCVN 14182:2024; lưu giữ đầy đủ các biên bản, phiếu kiểm tra. d) Cập nhật đầy đủ vào hồ sơ, tài liệu hoặc các phần mềm quản lý cầu, đường.	a) Việc cập nhật các thay đổi công trình đường bộ: không quá 15 ngày sau khi có thay đổi. b) Đối với các hư hỏng xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình: phát hiện, báo cáo không quá 01 ngày khi xảy ra sự cố. c) Đối với các nội dung còn lại: không quá 15 ngày.

3.2. Tiêu chí chất lượng bảo dưỡng mặt đường

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1	Mặt đường láng nhựa			
1.1	Vá ổ gà (gồm cả vá mép mặt)	Vá ổ gà theo quy định tại Mục 5.4.3.3 của TCVN 14182:2024.	a) Xử lý kịp thời các vị trí ổ gà ngay từ khi phát hiện. b) Các miếng vá phải cùng cao độ với mặt đường xung quanh với dung sai tối đa + 5 mm;	Thời gian cho phép khắc phục trong vòng 03 ngày đối với tuyến

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	đường sứt vỡ)		những miếng vá có diện tích > 0,1 m² được vá theo hình chữ nhật, hình vuông; các cạnh miếng vá phải song song hoặc vuông góc với tim đường. c) Các miếng vá được vá bằng các vật liệu quy định trong các tiêu chuẩn kỹ thuật. Vật liệu vá phải tương đương hoặc tốt hơn so với vật liệu đã được sử dụng cho mặt đường xung quanh (mặt đường BTN phải được vá bằng BTN nóng, BTN ấm, hoặc BTN nguội; trên các tuyến đường cấp thấp tại những nơi khó khăn trong việc sản xuất, cung ứng các loại BTN, cho phép sử dụng vật liệu carboncor để vá. Mặt đường láng nhựa phải được vá bằng láng nhựa, các loại bê tông nhựa, carboncor, đá dăm đen). d) Mối nối giữa miếng vá với mặt đường xung quanh không được để khe hở rộng quá 03 mm.	đường cấp I, II, 05 ngày đối với các tuyến đường cấp III - VI kể từ khi xuất hiện.
1.2	Vết nứt dọc, nứt ngang đơn lẻ	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.5 của TCVN 14182:2024.	Trên mặt đường không có vết nứt có độ rộng trên 05 mm.	Khi xuất hiện vết nứt loại này thì thời gian cho phép sửa chữa trong vòng 07 ngày đối với mùa mưa, 14 ngày đối với mùa khô.
1.3	Xử lý nứt mai rùa và các dạng nứt dày	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.4 của TCVN 14182:2024.	Diện tích mặt bị nứt không được vượt quá 10% diện tích mặt đường tính cho 50 m dài đường bất kỳ.	Khi xuất hiện vết nứt loại này, thời gian cho phép sửa chữa trong

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	đặc khác.			vòng 07 ngày đối với mùa mưa, 14 ngày đối với mùa khô.
1.4	Xử lý lún lõm, đầy trời, dòn nhựa, lún vệt bánh xe, bong bật và bong tróc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.6, 5.4.3.7, 5.4.3.8 của TCVN 14182:2024.	a) Không để tình trạng lún lõm quá 25 mm đối với đường bê tông nhựa, không quá 50 mm đối với đường láng nhựa. b) Các hư hỏng đầy trời, dòn nhựa không được hư hỏng mức độ M trở lên theo TCVN 14182:2024. c) Vật liệu vá và các nội dung khác như đối với công tác vá ổ gà tại Mục 2.1.1.	Các chỗ lún lõm vượt quá mức giới hạn phải được loại bỏ không quá 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
1.5	Sinh lún	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.3.10 của TCVN 14182:2024.	a) Không được để sinh lún phát triển thành rạn nứt lớn và không được để lún lõm quá 25 mm đối với đường bê tông nhựa, 50 mm đối với đường láng nhựa, thấm nhập nhựa. Đồng thời, không được quá 0,5% diện tích mặt đường rạn nứt và lún lõm nhỏ hơn các quy định trên. b) Yêu cầu mức độ đáp ứng khi xử lý sinh lún như đối với công tác vá ổ gà tại Mục 2.1.1.	Các chỗ sinh lún phải được loại bỏ trong vòng 10 ngày (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được).
1.6	Vệ sinh mặt đường	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.1 của TCVN 14182:2024.	Mặt đường và lề đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không để đọng đất, cát trên mặt đường; dải phân cách không để bụi đất bám làm mất tác dụng của sơn báo hiệu; đáp ứng các yêu cầu sau:: a) Khắc phục các chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn	01 giờ kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			giao thông như: đất, đá, động vật chết, vật liệu.	
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như: nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	04 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	07 ngày kể từ khi phát hiện.
2	Mặt đường bê tông xi măng			
2.1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.2 của TCCS 07:2013/TCĐBVN	Các khe co, khe giãn, khe dọc không bị bong bật mất vật liệu chèn khe có mức độ hư hỏng M trở lên	Phải xử lý trong vòng 07 ngày sau khi phát hiện (không tính các ngày trời mưa, mặt đường ẩm ướt không thi công được)
2.2	Xử lý vết nứt	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.4 ÷ 5.4.2.7 của TCVN 14182:2024.	Không để xuất hiện vết nứt có mức độ hư hỏng M trở lên	Phải xử lý trong vòng 07 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 14 ngày (đối với mùa khô)
2.3	Vệ sinh mặt đường	Xử lý theo quy định tại Mục 5.4.2.1 của TCVN 14182:2024.	Mặt đường và lề đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch (không được có rác, cành cây và các chướng ngại vật khác); không để đọng đất, cát trên mặt đường; dải phân cách không để bụi đất bám làm mất tác dụng của sơn báo hiệu; đáp ứng các yêu cầu sau:	
			a) Khắc phục các chướng ngại vật đe dọa tới công tác an toàn giao thông như: đất, đá, động vật chết, vật liệu.	01 giờ kể từ khi phát hiện.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
			b) Khắc phục các vật liệu dễ cháy trên mặt đường như: nhiên liệu, dầu hoặc chất hóa học.	04 giờ kể từ khi phát hiện.
			c) Khắc phục các mảnh vỡ khác không đe dọa trực tiếp tới an toàn giao thông.	07 ngày kể từ khi phát hiện.

3.3. Tiêu chí chất lượng hệ thống an toàn giao thông và hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, đèn cảnh báo (nếu có)

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1	Biển báo	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.1 của TCVN 14182:2024.	Bảo quản đầy đủ biển báo từ khi nhận bàn giao; đảm bảo chất lượng, rõ ràng, không bị bẩn, chắc chắn, dễ nhận biết từ xa và phải quan sát được rõ cả ngày và đêm.	Đối với hư hỏng, mất phải sửa chữa thay thế trong vòng 01 ngày đối với biển báo cấm, biển hiệu lệnh; 03 ngày với các biển còn lại sau khi phát hiện.
2	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc.	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.2 của TCVN 14182:2024.	Duy trì các vạch sơn khi nhận bàn giao, thường xuyên vệ sinh bảo đảm sáng rõ, không bị cát bụi lấp, dễ nhận biết; không bị mờ hoặc bong tróc.	Đối với những vạch sơn mặt đường hư hỏng cục bộ phải được sơn dặm trong vòng 28 ngày.
3	Cột Km, cọc H, cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ và cọc tiêu	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.12 của TCVN 14182:2024.	Đảm bảo dễ nhận biết, dễ đọc, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời.	Sửa chữa, thay thế trong vòng 07 ngày.

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4	Tường hộ lan, tôn sóng	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.8 của TCVN 14182:2024.	a) Bảo quản đầy đủ tường hộ lan, tôn sóng từ khi nhận bàn giao. b) Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.
5	Mắt phản quang, đỉnh phản quang, tấm chống chói, gương cầu lồi	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.12.4, 5.12.5, 4.12.13 của TCVN 14182:2024.	Đảm bảo dễ nhận biết, không xiêu vẹo, đúng quy định; hư hỏng, mất phải được sửa chữa kịp thời. Trường hợp hỏng do tai nạn giao thông hoặc sự cố hư hỏng lớn phải cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông và báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ.	Khắc phục hư hỏng hoặc báo cáo trong vòng 05 ngày khi phát hiện.
6	Hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.7.1.3 của TCVN 14182:2024.	a) Bảo quản đầy đủ từ khi nhận bàn giao, đảm bảo thời lượng thấp sáng đúng quy định. Đèn tín hiệu giao thông luôn trong tình trạng hoạt động bình thường. b) Cột đèn cần đèn phải chắc chắn không nghiêng lệch, sạch, không bị rỉ sét, nứt vỡ.	a) Bóng đèn hỏng phải sửa chữa, thay thế trong vòng 02 ngày. b) Cột đèn, cần đèn bị hư hỏng phải được khắc phục hoặc báo cáo trong vòng 07 ngày.

3.4. Tiêu chí chất lượng nền đường, thoát nước

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1	Taluy đắp và	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4	Đảm bảo hình dạng ban đầu, không bị xói lở; đảm bảo độ chặt (đối với taluy đất); cụ thể:	a) Phải hoàn tất sửa chữa trong vòng 01 ngày sau

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	taluy đào	của TCVN 14182:2024.	a) Khi có sạt lở nhỏ phải tổ chức xử lý đảm bảo an toàn giao thông. b) Các hư hỏng lớn vượt quá tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên do mưa bão, lở đất phải báo cáo kịp thời cho cơ quan được giao quản lý tài sản để được xem xét xử lý.	khi phát hiện hư hỏng (mùa mưa), 03 ngày (mùa khô). b) Trường hợp sạt lở khối lượng nhỏ làm ách tắc giao thông phải khắc phục ngay để đảm bảo giao thông trong vòng 06 giờ. c) Hư hỏng lớn phải báo cáo ngay trong vòng 01 giờ.
2	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.1.2.3, 5.1.2.4, 5.1.2.5 của TCVN 14182:2024.	a) Không che khuất cọc tiêu, biển báo, cột Km và ảnh hưởng đến thoát nước; không ảnh hưởng tầm nhìn. b) Đối với taluy dương trong phạm vi chiều cao $\leq 4,0$ m cây cỏ không được cao quá 0,2 m. c) Đối với taluy âm trong phạm vi 1,0 m từ vai đường trở ra và trong bụng đường cong cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m. d) Cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2 m và chồm ra mặt đường.	a) Cây cỏ phải được cắt, phát quang trong vòng 03 ngày khi phát hiện. b) Cây đổ ngang đường phải khắc phục để đảm bảo an toàn giao thông trong thời gian 03 giờ kể từ khi phát hiện.
3	Lề đường	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.2 của TCVN 14182:2024.	a) Chênh lệch cao độ lề đường so với mép mặt đường không được vượt quá 50 mm. b) Lề đường có gia cố lớp mặt không bị biến dạng, xói lở ổ gà, vỡ mép. Phạm vi lề đường, đất của đường bộ phải thông thoáng, không có vật liệu, chất thải chất đống.	Các hư hỏng của lề đường phải được khắc phục trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
4	Rãnh và các công	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCVN	Phải đảm bảo thông thoáng, không được để đọng rác, bùn, đất, các vật gây cản trở dòng	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
	trình thoát nước có gia cố (gạch, đá, bê tông xi măng)	14182:2024.	chảy; các bộ phận được gia cố không bị hư hỏng, mất; không xói lở xung quanh kết cấu rãnh.	ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 07 ngày đối với mùa khô. Hư hỏng lớn, mất phải được sửa chữa hoặc báo cáo trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
5	Rãnh và các công trình thoát nước bằng đất đá tự nhiên	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCVN 14182:2024.	Không có chướng ngại vật gây cản trở dòng chảy; không gây ngập úng khi trời mưa.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện đối với mùa mưa, 07 ngày đối với mùa khô. Hư hỏng, sạt lở phải được sửa chữa trong vòng 07 ngày sau khi được phát hiện.
6	Hố thu và cống	Thực hiện theo quy định tại Mục 5.3 của TCVN 14182:2024.	Phải sạch rác và bùn đất, không có vật gây cản trở dòng chảy, không bị hỏng, mất về kết cấu; xung quanh phải được lèn chặt bằng vật liệu thích hợp.	Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 07 ngày (đối với mùa khô) Hư hỏng phải được sửa chữa trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.

4. Quy định về giám sát

4.1. Quy định về giám sát

- **Phòng Kinh tế xã Tân Phong** là cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông có trách nhiệm tổ chức việc giám sát, nghiệm thu hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện của nhà thầu, cụ thể:

a) Phòng Kinh tế xã là cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện nhiệm vụ giám sát, trực tiếp thực hiện việc giám sát kết quả thực hiện hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện;

b) Bộ phận chuyên môn Phòng Kinh tế xã phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát tại công trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của hoạt động bảo trì thực hiện giám sát.

4.2. Nội dung giám sát

a) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đại diện của cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện), người thực hiện nhiệm vụ giám sát cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

b) Kiểm tra đối chiếu nhân lực, thiết bị thi công, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu bảo dưỡng đường bộ trên thực tế với các quy định trong hồ sơ mời thầu, dự thầu, hợp đồng BDTX đã ký.

c) Giám sát chất lượng thực hiện hoạt động bảo dưỡng tài sản của nhà thầu theo các tiêu chí chất lượng quy định trong hợp đồng, phát hiện các tồn tại về chất lượng thực hiện; lập biên bản hoặc có văn bản thông báo với đại diện nhà thầu yêu cầu khắc phục các tồn tại theo quy định; hết thời hạn khắc phục cho phép, tổ chức kiểm tra việc khắc phục của nhà thầu.

d) Định kỳ tối thiểu 01 tuần, giám sát phải kiểm tra kết quả thực hiện của nhà thầu (bao gồm cả công tác quản lý và bảo dưỡng); kiểm tra đột xuất. Tạm dừng thi công đối với nhà thầu bảo dưỡng đường bộ khi xét thấy chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định.

đ) Báo cáo kịp thời cơ quan được giao quản lý tài sản các tồn tại vướng mắc ngoài thẩm quyền, kiến nghị giải pháp xử lý để đảm bảo chất lượng thực hiện.

e) Hàng tháng, trên cơ sở kết quả nghiệm thu đánh giá nội bộ của nhà thầu, kết quả kiểm tra nội nghiệp và hiện trường; người thực hiện nhiệm vụ giám sát tổ chức nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện đối với từng tiêu chí chất lượng của từng hạng mục công việc trong tháng, đề xuất mức điểm đạt được đối với kết quả thực hiện của nhà thầu, các tồn tại, bất cập cần chấn chỉnh, báo cáo kết quả nghiệm thu (bằng văn bản) gửi cơ quan được giao quản lý tài sản xem xét, giải quyết các tồn tại, bất cập vượt thẩm quyền theo quy định hiện hành.

g) Phát hiện các sai sót bất cập trong quá trình triển khai thực hiện cũng như quy định hợp đồng, kiến nghị cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức điều chỉnh hợp đồng.

h) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng BDTX.

4.3. Yêu cầu về vật tư, máy móc, thiết bị, nhân lực

Nhà thầu phải lập Bảng liệt kê danh sách vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho gói thầu trong đó nêu rõ: Tên vật tư, máy móc, thiết bị; Tính năng, thông số kỹ thuật; Xuất xứ; Mã hiệu; tên thương hiệu; Nguồn cung cấp

Yêu cầu nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ, nguồn gốc của vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào sử dụng cho công trình. Cụ thể yêu cầu như sau:

- Toàn bộ vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình phải tuân thủ tuyệt đối các chỉ dẫn của hồ sơ thiết kế, hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ mời thầu và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Tất cả các vật tư, thiết bị mua sắm, lắp đặt, sử dụng cho công trình đều phải được nhà thầu nêu rõ ràng, cụ thể về quy cách, chủng loại, nguồn gốc, xuất xứ, không trình bày chung chung.

- Nguồn gốc xuất xứ là nước, vùng lãnh thổ, địa phương, doanh nghiệp sản xuất ra sản phẩm, vật tư, thiết bị. Nhà thầu phải liệt kê chính xác nguồn gốc hàng hóa, vật liệu sử dụng cho công trình tương ứng với đề xuất tài chính của nhà thầu. Bất kỳ tên hãng, thương hiệu hoặc vùng lãnh thổ được nhắc đến trong thông số kỹ thuật chỉ mang tính chất tham khảo, nhà thầu đề xuất hàng hóa có tính chất tương tự hoặc có thông số cao hơn so với đề xuất đều (nhà thầu có trách nhiệm chứng minh nội dung này) được đánh giá là đạt yêu cầu.

- Việc lấy mẫu thí nghiệm, kiểm tra chất lượng vật tư thiết bị sử dụng cho công trình tuân thủ các yêu cầu trong các quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, gói thầu (nêu tại mục 1) và hợp đồng xây dựng.

- Để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của vật tư, vật liệu, thiết bị nhà thầu cần cung cấp hồ sơ chứng nhận xuất xứ hoặc hợp đồng cung cấp, hợp đồng nguyên tắc với nhà cung ứng, nhà sản xuất.

- Việc kiểm tra chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, gói thầu và hợp đồng xây dựng.

- Nhà thầu phải xây dựng biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình để đảm bảo chất lượng trước khi đề nghị giám sát, chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

- Tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị không đúng chủng loại, quy cách theo hồ sơ thiết bị (hoặc chủ đầu tư chưa chấp thuận), không đúng nguồn gốc, xuất xứ mà nhà thầu đề xuất sử dụng theo hồ sơ dự thầu, không đảm bảo chất lượng theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho gói thầu và các yêu cầu của hợp đồng sẽ không được nghiệm thu, sử dụng cho công trình. Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm đưa vật tư, thiết bị không đạt yêu cầu ra khỏi mặt bằng, phạm vi công trình.

- Trường hợp Chủ đầu tư đề xuất thay đổi thiết kế dẫn tới thay đổi chủng loại vật tư, thiết bị hoặc Nhà thầu đề xuất thay đổi chủng loại vật tư dẫn đến thay đổi giá trị hợp đồng, giá trị công việc thì hai bên phải tiến hành thống nhất, thương thảo điều chỉnh, bổ sung phụ lục hợp đồng trên cơ sở vật tư, thiết bị thay thế. Đồng thời có những biện pháp cụ thể, chi tiết nhằm quản lý chất lượng sản phẩm, vật tư, thiết bị thay thế đó.

- Đối với các loại máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình hoặc sử dụng phục vụ quá trình thi công công trình, trường hợp thuộc các loại máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo các yêu cầu, quy định của pháp luật chuyên ngành về máy móc, thiết bị đó.

- Việc kiểm tra chất lượng vật tư phải thực hiện bởi phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD) có đủ điều kiện, giấy phép và phương tiện thí nghiệm các chỉ tiêu có liên quan tới công trình.

4.4. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ

Toàn bộ quá trình thi công trên công trường, Nhà thầu phải đảm bảo tuyệt đối an toàn cháy nổ, chủ động trong công tác phòng cháy chữa cháy bằng cách:

- Tổ chức tập huấn các biện pháp phòng cháy tại chỗ và các nguyên lý chữa cháy cho công nhân thi công tại hiện trường;

- Bố trí cán bộ đã được huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy để thực hiện quản lý, giám sát, hướng dẫn công tác chủ động phòng chống cháy nổ trong suốt thời gian thi công;

- Trang bị tại công trường các phương tiện, vật tư chữa cháy như: Tiêu lệnh, nội quy chữa cháy, đồ bảo hộ chữa cháy, bình cứu hỏa cá nhân,...

- Bố trí tổng mặt bằng công trường có xem xét tới việc phòng chống cháy nổ, đảm bảo luôn luôn chủ động, an toàn trong mọi tình huống.

Trong hồ sơ dự thầu, Nhà thầu phải trình bày được các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các hướng dẫn, biện pháp, phương pháp phòng chống cháy nổ cụ thể gắn liền với đặc điểm, hiện trạng, tính chất của công trình, gói thầu này. Thỏa mãn các tiêu chí đánh giá về kỹ thuật theo quy định của Hồ sơ mời thầu.

4.5. Yêu cầu về vệ sinh môi trường

Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường cần được thực hiện xuyên suốt, liên tục trong toàn bộ thời gian thi công. Nhà thầu cần thực hiện nghiêm túc các biện pháp, các quy định về vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng nhằm hạn chế các tác động xấu đến môi trường phát sinh từ hoạt động thi công như: ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí, ô nhiễm do rác thải sinh hoạt, rác thải xây dựng, phế phẩm xây dựng và các yếu tố có hại khác tới sức khỏe, tính mạng cho con người và môi trường xung quanh. Để đạt được mục tiêu đó, trong hồ sơ dự thầu

Nhà thầu cần trình bày được các quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan tới công tác đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường; chi tiết các nội dung, giải pháp gắn liền

với gói thầu, công trình ngoài thực địa. Bên cạnh đó, Nhà thầu cần lưu ý các nội dung, yêu cầu sau đây:

- Thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công gói thầu.

- Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án.

- Xây dựng và thực hiện nội quy, quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình.

- Tổ chức lập, trình chủ dự án chấp thuận các giải pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến hướng dẫn các nội quy, quy trình, biện pháp bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân, người lao động và các đối tượng có liên quan trên công trường.

- Dừng thi công xây dựng công trình khi phát hiện nguy cơ xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng và có biện pháp khắc phục để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi tiếp tục thi công.

- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.6 Yêu cầu về an toàn lao động, an toàn giao thông

- Phải có biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình; kiểm tra thực tế các diễn biến trên công trường định kỳ hoặc đột xuất để điều chỉnh biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động cho phù hợp.

- Có phương án bố trí người lao động kỹ thuật trên công trường đúng chuyên môn được đào tạo, đủ năng lực hành nghề, đủ sức khỏe theo quy định của pháp luật. Cung cấp đầy đủ các trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Có sơ đồ mạng lưới và bộ phận quản lý công tác an toàn lao động trên công trường; đồng thời quy định cụ thể công việc thực hiện và trách nhiệm đối với những cá nhân quản lý công tác an toàn lao động trong quá trình thi công.

- Kế hoạch, tổ chức tập huấn và huấn luyện về an toàn cho đội ngũ làm công tác an toàn và người lao động theo quy định.

- Có biện pháp kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn lao động theo biện pháp đã được phê duyệt, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

- Có biện pháp khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, tai nạn lao động trên công trường.

- Định kỳ bảo dưỡng máy và thiết bị nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và công trình theo quy định.

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng (QCVN 18:2014/BXD).

- Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, kể cả phần công trình đã thi công như chưa được chủ đầu tư nghiệm thu để thanh toán, bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba như quy định trong điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.

- Phí bảo hiểm tính vào chi phí sản xuất mà nhà thầu đã đưa vào dự toán đấu thầu của mình.

- Trừ những nguyên nhân theo quy định tại mục II điểm a, b trong quy tắc bảo hiểm của Bộ tài chính (Chiến tranh, hành động thù địch của nước ngoài, chiến sự, bạo loạn, nội chiến) hoặc tổn thất thiệt hại do CĐT gây ra hoặc do những thiên tai mà một nhà thầu có kinh nghiệm cũng không có biện pháp phòng ngừa, còn lại những rủi ro thiệt hại trong phạm vi quản lý của nhà thầu, hoặc do nhà thầu gây ra, nhà thầu phải tự lo kinh phí cho việc sửa chữa, khắc phục tổn thất để đảm bảo cho việc xây dựng công trình được duy trì.

- Những rủi ro của CĐT thì do CĐT chi trả và nhà thầu có trách nhiệm thực hiện việc khắc phục theo yêu cầu của CĐT và KSTVSG. Nếu nhà thầu không thực hiện quy định trên thì CĐT được quyền trích khoản tiền thanh toán cho nhà thầu để thực hiện đảm bảo tiến độ xây dựng.

4.7. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thực hiện công tác quản lý, BDTX

Nhà thầu phải tuân thủ các phương án, biện pháp tổ chức công tác quản lý, BDTX tổng thể và chi tiết các hạng mục hợp lý nhất trên cơ sở hồ sơ HSDT đã được chấp thuận và các bổ sung khác phù hợp điều kiện thực tế trong quá trình thực hiện.

4.8. Yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu

Nhà thầu phải thực hiện có hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng công trình đúng theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình của nhà thầu

- Nhà thầu phải tổ chức bộ phận quản lý chất lượng các công tác phải thực hiện. Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng các hạng mục công việc trong Hợp đồng mà nhà thầu phải thực hiện. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công việc, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng của nhà thầu.

- Thông báo cho Chủ đầu tư để giám sát (nếu cần):

- Kế hoạch thực hiện các công việc chính như: lịch nạo vét cống rãnh, cắt cỏ, xử lý hàn lún, ổ gà, bạt lè;

- Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu; biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các biện pháp, bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình;

- Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng.

- Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng trong việc sản xuất vật liệu, thiết bị được sử dụng cho công trình theo quy định tại Điều 24 Nghị định này và quy định của hợp đồng.

- Thực hiện các công tác thí nghiệm kiểm tra vật liệu, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi thi công các hạng mục liên quan theo quy định của hợp đồng.

- Thực hiện các hạng mục công việc theo đúng hợp đồng. Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư nếu phát hiện sai khác giữa thực tế so với hợp đồng và điều kiện hiện trường trong quá trình thực hiện các hạng mục công việc. Tự kiểm soát chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật và quy định của hợp đồng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các hạng mục công việc phải được lập theo quy định và phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại hiện trường.

- Kiểm soát chất lượng các hạng mục công việc; giám sát đối với hạng mục công việc do nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là nhà thầu chính hoặc tổng thầu.

- Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thực hiện các hạng mục công việc (nếu có).

- Lập nhật ký thực hiện các hạng mục công việc theo quy định.

- Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu tháng theo quy định.

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thực hiện các hạng mục công việc theo quy định của hợp đồng và yêu cầu đột xuất của chủ đầu tư.

IV. GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận

- Nhà thầu phải tổ chức bộ phận quản lý chất lượng các công tác phải thực hiện. Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng các hạng mục công việc trong Hợp đồng mà nhà thầu phải thực hiện. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công việc, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng của nhà thầu.

- Thông báo cho Chủ đầu tư để giám sát (nếu cần):

- a) Kế hoạch thực hiện các công việc chính như: lịch nạo vét cống rãnh, cắt cỏ, xử lý hần lún, ổ gà, bạt lề;

b) Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, biện pháp thi công, các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy móc, thiết bị và công trình;

c) Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng.

- Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan,

- Thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng trong việc sản xuất vật liệu, thiết bị được sử dụng cho công trình theo quy định của hợp đồng.

- Thực hiện các hạng mục công việc theo đúng hợp đồng. Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư nếu phát hiện sai khác giữa thực tế so với hợp đồng và điều kiện hiện trường trong quá trình thực hiện các hạng mục công việc. Tự kiểm soát chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật và quy định của hợp đồng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các hạng mục công việc phải được lập theo quy định và phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại hiện trường.

- Kiểm soát chất lượng các hạng mục công việc;

- Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thực hiện các hạng mục công việc (nếu có).

- Lập các Hồ sơ, tài liệu và ghi chép đầy đủ theo quy định trong Thông tư 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và TCVN 14182:2024 bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - yêu cầu kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn của Sở GTVT Sơn La

2. Kế hoạch công tác

Trên cơ sở tiêu chí chất lượng thực hiện, khối lượng thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên được giao, đã được quy định của hợp đồng, đặc điểm của đoạn tuyến thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết hàng quý, hàng tháng để tổ chức thực hiện với một số nội dung chính sau đây:

- Phần kế hoạch chi tiết thực hiện các công việc có tính chất định kỳ như tuần đường, kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường, kiểm tra định kỳ cầu, kiểm tra cầu trước sau mùa mưa bão, vệ sinh mặt đường, lau chùi biển báo, nạo vét cống ngang đường, nạo vét rãnh dọc, sơn sửa cọc tiêu, cột H, cột Km, biển báo, ... Nội dung kế hoạch thể hiện thời gian thực hiện, lý trình thực hiện, người thực hiện;

- Phần kế hoạch chi tiết để thực hiện các công việc phát sinh trên tuyến như sửa chữa mặt đường bị rạn nứt, ổ gà, cao su, lún lõm, sửa chữa, nắn chỉnh cọc tiêu, biển báo bị xiêu vẹo, hót sứt, sửa chữa ta luy, tứ nón cầu bị nứt vỡ, sạt lở, sửa chữa thay thế tấm đan rãnh dọc, ... Nội dung kế hoạch dự kiến người, nguồn vật liệu, thiết bị thực hiện để thực hiện, khi phát sinh hư hỏng thì bổ sung, cập nhật vào kế hoạch để xử lý.

Kế hoạch chi tiết hàng tháng được xây dựng trước ngày 25 của tháng trước liền kề, lưu tại đơn vị và gửi cho cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ, Ban Quản lý bảo trì, cơ quan, đơn vị trực tiếp giám sát, theo dõi công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên

trước ngày 28 của tháng trước để làm cơ sở theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên khi nghiệm thu

3. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

Theo quy định hiện hành và kế hoạch thanh toán, nghiệm thu của CĐT.

- Việc nghiệm thu chất lượng thực hiện hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện từng tháng; việc thanh toán thực hiện theo từng quý.

- Các bên tham gia kiểm tra nghiệm thu gồm: đại diện cơ quan được giao quản lý tài sản (gọi chung là Bên A, trực tiếp là Phòng Kinh tế xã) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với nhà thầu thực hiện hợp đồng bảo dưỡng đường bộ (Bên B) để tiến hành kiểm tra khi nghiệm thu. Phòng Kinh tế xã có thể mời thêm thành phần khác tham gia kiểm tra khi tiến hành nghiệm thu.

- Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản và là căn cứ để thanh toán cho nhà thầu bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

- Việc đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu được xem xét trên cơ sở:

+ Báo cáo kết quả thực hiện của nhà thầu, biên bản nghiệm thu, bảng chấm điểm nội bộ của nhà thầu;

+ Báo cáo, đánh giá nhận xét, bảng chấm điểm, ý kiến đề xuất của giám sát (Tuần kiểm viên) đối với kết quả thực hiện của nhà thầu trong tháng;

+ Kết quả kiểm tra nội nghiệp (hồ sơ quản lý bảo trì, hồ sơ đăng ký cầu đường, nhật ký tuần đường, hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ và các tài liệu khác), kiểm tra hiện trường.

- Đối với các tồn tại được xác định khi kiểm tra nghiệm thu, ngoài việc bị khấu trừ kinh phí theo quy định. Nhà thầu bảo dưỡng có trách nhiệm tổ chức khắc phục ngay các tồn tại với thời hạn tối đa không quá 10 ngày kể từ khi kiểm tra nghiệm thu. Người thực hiện nhiệm vụ giám sát của cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả khắc phục tồn tại của nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng bằng biên bản; biên bản này là tài liệu để xem xét kết quả nghiệm thu tháng tiếp theo cho nhà thầu